

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Họ và tên: NGUYỄN VĂN TÀI
Chi bộ Công ty cổ phần Vinafor Sài Gòn

BÀI DỰ THI CHỦ ĐỀ “ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH, ĐẢNG BỘ TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM”

I. CÂU HỎI

Câu hỏi 1: Đồng chí cho biết Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời đến nay đã qua bao nhiêu kỳ Đại hội, nêu ngày tháng năm của từng kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, số đại biểu tham dự. Quan điểm về kinh tế thị trường được Đảng đề cập đã qua bao nhiêu kỳ Đại hội, nội dung chủ yếu.

Trả lời:

Hội nghị hợp nhất các tổ chức đảng cộng sản ở Việt Nam thành một Đảng Cộng sản duy nhất - Đảng Cộng sản Việt Nam - theo một đường lối chính trị đúng đắn, tạo nên sự thống nhất về tư tưởng, chính trị và hành động của phong trào cách mạng cả nước, hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, là sự khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam và hệ tư tưởng Mác-Lênin đối với cách mạng Việt Nam. Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kiện lịch sử cực kỳ trọng đại, một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đánh dấu một mốc son chói lọi trên con đường phát triển của dân tộc ta.

Sự ra đời của Đảng là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam, là sự kiện gắn liền với tên tuổi của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và việc ngay từ khi ra đời, Đảng đã có Cương lĩnh chính trị xác định đúng đắn con đường cách mạng là giải phóng dân tộc theo phương hướng cách mạng vô sản, chính là cơ sở để Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời đã nắm được ngọn cờ lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam; giải quyết được tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng, về giai cấp lãnh đạo cách mạng diễn ra đầu thế kỷ XX, mở ra con đường và phương hướng phát triển mới cho đất nước Việt Nam. Chính đường lối này là cơ sở đảm bảo cho sự tập hợp lực lượng và sự đoàn kết, thống nhất của toàn dân tộc cùng chung tư tưởng và hành động để tiến hành cuộc cách mạng vĩ đại giành những thắng lợi to lớn sau này. Đây cũng là điều kiện cơ bản quyết định phương hướng phát triển, bước đi của cách mạng Việt Nam trong suốt 86 năm qua.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và việc Đảng chủ trương cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới, đã tranh thủ được sự ủng hộ to lớn của cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại làm nên những thắng lợi vẻ vang. Đồng thời cách mạng Việt Nam cũng góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã trải qua 13 kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc, mỗi kỳ đánh dấu những bước phát triển quan trọng của cách mạng Việt Nam. Sau đây là thông tin về thời gian và số lượng đại biểu tham dự từng kỳ Đại hội:

Đại hội I: Từ ngày 27 đến 31/3/1935 tại Ma Cao (Trung Quốc), với 13 đại biểu tham dự.

Đại hội II: Từ ngày 11 đến 19/2/1951 tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, với 158 đại biểu chính thức và 53 đại biểu dự khuyết.

Đại hội III: Từ ngày 5 đến 10/9/1960 tại Hà Nội, với 525 đại biểu tham dự.

Đại hội IV: Từ ngày 14 đến 20/12/1976 tại Hà Nội, với 1.008 đại biểu tham dự. Đại hội V: Từ ngày 27 đến 31/3/1982 tại Hà Nội, với 1.033 đại biểu tham dự. Đại hội VI: Từ ngày 15 đến 18/12/1986 tại Hà Nội, với 1.129 đại biểu tham dự. Đại hội VII: Từ ngày 24 đến 27/6/1991 tại Hà Nội, với 1.176 đại biểu tham dự. Đại hội VIII: Từ ngày 28/6 đến 1/7/1996 tại Hà Nội, với 1.198 đại biểu tham dự.

Đại hội IX: Từ ngày 19 đến 22/4/2001 tại Hà Nội, với 1.168 đại biểu tham dự. Đại hội X: Từ ngày 18 đến 25/4/2006 tại Hà Nội, với 1.176 đại biểu tham dự. Đại hội XI: Từ ngày 12 đến 19/1/2011 tại Hà Nội, với 1.377 đại biểu tham dự. Đại hội XII: Từ ngày 20 đến 28/1/2016 tại Hà Nội, với 1.510 đại biểu tham dự. Đại hội XIII: Từ ngày 25/1 đến 1/2/2021 tại Hà Nội, với 1.587 đại biểu tham dự.

* Về quan điểm phát triển kinh tế thị trường:

Quan điểm về kinh tế thị trường đã được đề cập và làm rõ qua nhiều Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt từ Đại hội VI (1986) trở đi, trong bối cảnh đổi mới và phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Dưới đây là một số nội dung cơ bản của quan điểm này qua các Đại hội:

1. Tại Đại hội VI (1986):

* **Khởi đầu đổi mới:** Đại hội VI đánh dấu bước ngoặt quan trọng khi Đảng Cộng sản Việt Nam xác nhận cần phải đổi mới và chuyển từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường.

* **Đề xuất về nền kinh tế nhiều thành phần:** Đại hội VI đã xác định nền kinh tế Việt Nam sẽ phát triển theo hướng “nền kinh tế nhiều thành phần”, trong đó có sự tham gia của các thành phần kinh tế nhà nước, tập thể, cá nhân và cả doanh nghiệp tư nhân. Đây là nền tảng để phát triển kinh tế thị trường trong giai đoạn sau này.

2. Tại Đại hội VII (1991):

* **Xác định rõ hơn về kinh tế thị trường:** Đại hội VII tiếp tục nhấn mạnh về chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường. Đặc biệt, Đảng nhấn mạnh vai trò của thị trường trong việc phân phối và điều tiết nguồn lực.

* **Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:** Đại hội VII khẳng định, Việt Nam sẽ xây dựng nền kinh tế thị trường nhưng vẫn phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và vai trò chủ đạo của nền kinh tế nhà nước trong các ngành, lĩnh vực then chốt.

3. Tại Đại hội VIII (1996):

* **Tăng cường vai trò của nhà nước:** Đại hội VIII khẳng định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần có sự điều tiết của Nhà nước để đảm bảo công bằng xã hội và phát triển bền vững. Các chính sách vĩ mô, như quản lý thuế, tín dụng, và bảo vệ quyền lợi xã hội, tiếp tục được xác định là cần thiết.

* **Chú trọng phát triển các ngành then chốt:** Đặc biệt, các ngành chiến lược như công nghiệp, nông nghiệp, và dịch vụ sẽ được ưu tiên phát triển.

4. Tại Đại hội IX (2001):

* **Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi:** Đại hội IX nhấn mạnh việc xây dựng cơ chế, chính sách để khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào quá trình phát triển đất nước. Đồng thời, cần phải phát triển đồng bộ các cơ sở hạ tầng và hệ thống pháp lý để thúc đẩy nền kinh tế thị trường.

* **Đổi mới thể chế kinh tế:** Đại hội này cũng khẳng định rằng cần tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh giữa các thành phần kinh tế và bảo đảm ổn định vĩ mô.

5. Tại Đại hội X (2006):

* **Công nhận nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:** Đại hội X tiếp tục khẳng định quan điểm về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nhấn mạnh sự cần thiết phải kết hợp giữa phát triển kinh tế với bảo đảm công bằng xã hội.

* **Thực hiện hội nhập quốc tế:** Đây là thời điểm Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), và Đại hội X nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hội nhập kinh tế quốc tế trong việc phát triển kinh tế thị trường.

6. Tại Đại hội XI (2011):

* **Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường:** Đại hội XI xác định cần tiếp tục hoàn thiện các thể chế kinh tế thị trường, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh.

* **Linh hoạt và hiệu quả trong phát triển kinh tế:** Đại hội XI nhấn mạnh việc phát huy vai trò của thị trường trong phân phối tài nguyên và khuyến khích sáng tạo, đổi mới trong kinh doanh.

7. Tại Đại hội XII (2016):

* **Kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế sâu rộng:** Đại hội XII nhấn mạnh phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế sâu rộng và cải cách thể chế kinh tế để tạo ra động lực cho phát triển.

* **Chuyển đổi mô hình tăng trưởng:** Đại hội cũng đặt mục tiêu chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng.

8. Tại Đại hội XIII (2021):

* **Phát triển nền kinh tế thị trường đầy đủ và hiện đại:** Đại hội XIII đề ra mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, đồng thời nhấn mạnh vai trò của Nhà nước trong việc điều tiết thị trường, bảo vệ công bằng xã hội và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

* **Cải cách sâu rộng và đổi mới sáng tạo:** Tạo môi trường thuận lợi cho các sáng kiến đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ vào nền kinh tế.

Câu hỏi 2: Đồng chí cho biết Mô hình tổ chức của Đảng bộ Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam hiện nay được quy định cụ thể tại văn bản nào của Đảng và Đảng bộ Tổng công ty hoạt động theo quy định nào của Đảng; Đảng bộ Tổng công ty hiện có bao nhiêu tổ chức đảng, đảng viên. Đảng bộ đã qua bao nhiêu kỳ Đại hội, số lượng ủy viên Ban Chấp hành được bầu ở từng kỳ đại hội.

Trả lời:

- Mô hình tổ chức của Đảng bộ Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam hiện nay được thực hiện theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Các văn bản hướng dẫn của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương.

- Đảng bộ Tổng công ty hiện nay có 12 chi bộ và 156 đảng viên.

- Đảng bộ Tổng công ty đã thực hiện 7 kỳ Đại hội như sau: Đại hội lần thứ Nhất (khóa I): Nhiệm kỳ 1996 – 1999. Đại hội đã bầu 09 đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ, Đại hội lần thứ Hai (khóa II): Nhiệm kỳ 1999 – 2003. Đại hội đã bầu 09 đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ khóa II, Đại hội lần thứ Ba (khóa III): Nhiệm kỳ 2003 – 2005. Đại hội đã bầu 09 đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ. Đại hội lần thứ Tư (khóa IV): Nhiệm kỳ 2005 – 2010. Đại hội đã bầu 09 đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ, Đại hội lần thứ Năm (khóa V): Nhiệm kỳ 2010 – 2015. Đại hội đã bầu 09 đ/c

Ủy viên BCH Đảng bộ, Đại hội lần thứ Sáu (khóa VI): Nhiệm kỳ 2015 – 2020. Đại hội đã bầu 09 đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ, Đại hội lần thứ Bảy (khóa VII): Nhiệm kỳ 2020 – 2025. Đại hội đã bầu 11 đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ.

II. CÂU TỰ LUẬN

1. Theo đồng chí để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy chi bộ nhiệm kỳ 2025-2027, chi bộ đồng chí cần quan tâm thực hiện tốt những nhiệm vụ gì; đồng chí hãy đề xuất giải pháp thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm đó.

Trả lời:

Để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy chi bộ nhiệm kỳ 2025-2027, theo tôi chi bộ cần quan tâm thực hiện tốt những nhiệm vụ sau:

1. Nhận thức sâu sắc lời chỉ dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, để “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”, xứng đáng là đội tiên phong lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của Nhân dân ta, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn coi trọng việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng và coi đây là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên trong mọi giai đoạn của cách mạng.

Chỉ tính riêng trong 10 năm gần đây, ngay từ đầu mỗi nhiệm kỳ, qua các Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII, Đảng đều ban hành các nghị quyết, kết luận, quy định hết sức quan trọng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Đại hội XIII của Đảng đánh dấu sự phát triển nhận thức về tư duy, lý luận của Đảng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Đảng ta đã bổ sung nhiều quan điểm mới về xây dựng Đảng, trong đó có thuật ngữ “**năng lực cầm quyền**” vào mục tiêu tổng quát “nâng cao năng lực lãnh đạo, **năng lực cầm quyền** và sức chiến đấu của Đảng”. Đồng thời, trong phương hướng của công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIII, Đảng ta nhấn mạnh: “Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo, **năng lực cầm quyền**, sức chiến đấu của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước”.

2. Năng lực lãnh đạo của Cấp ủy Chi bộ khả năng, mức độ, kết quả của cấp ủy Chi bộ đạt được khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình hay nói cách khác năng lực lãnh đạo của cấp ủy Chi bộ là khả năng đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ chính trị đúng đắn, phù hợp với đơn vị trong từng thời kỳ, đồng thời là khả năng tổ chức thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ đó.

Bám sát phương thức lãnh đạo của Đảng, năng lực lãnh đạo của Cấp ủy Chi bộ ở các nội dung: Khả năng bao quát, định hướng: thực chất là khả năng lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt và thảo luận xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng các cấp và Đại hội XIII của Đảng.

Phương châm quán triệt: *Rõ hơn về điểm mới, sát với đối tượng, phù hợp với thực tiễn*. Đồng thời phát huy dân chủ, tổ chức thảo luận, rà soát, bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp...thống nhất ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng các cấp của Đảng bộ.

Yêu cầu chung về chương trình hành động phải đảm bảo: *đúng định hướng nhưng phù hợp với thực tiễn; đảm bảo tính toàn diện song phải có trọng tâm, trọng điểm; vừa tập trung giải quyết vấn đề trước mắt song phải chú trọng lợi ích, hiệu quả lâu dài*. Theo đó, chương trình hành động có tính khả thi phải rõ: *Rõ về mục tiêu, chỉ tiêu; rõ về nội dung, cách thức; rõ về điều kiện, nguồn lực; rõ về trách nhiệm tổ chức thực hiện*. Qua đó, tạo sự thống nhất cao về nhận

thức, khơi dậy khát vọng và ý chí vươn lên của cán bộ, đảng viên, người lao động tạo tiền đề quan trọng để toàn Đảng bộ quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

Khả năng kết nối, phát huy nguồn lực: thực chất đây là khả năng lãnh đạo, chỉ đạo hiện thực hóa và cụ thể hóa kế hoạch, chương trình hành động thành phong trào thi đua yêu nước ở địa phương, đơn vị.

Khả năng điều chỉnh, thích ứng: khả năng lãnh đạo, chỉ đạo phát hiện kịp thời, điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ cho phù hợp với thực tiễn. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng là quá trình lâu dài liên quan đến nhiều yếu tố, nhiều lĩnh vực, để thực hiện thành công đòi hỏi cấp ủy cấp huyện, nhất là người đứng đầu phải thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát. Qua kiểm tra, giám sát để phát hiện những yếu tố không phù hợp, thậm chí là sai lệch, từ đó kịp thời điều chỉnh đúng định hướng, phù hợp thực tiễn, đem lại kết quả cao.

Khả năng thúc đẩy đổi mới, sáng tạo: khả năng lãnh đạo, chỉ đạo công tác sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết. Nội dung sơ kết, tổng kết là đánh giá những kết quả đạt được trong lãnh đạo, chỉ đạo; những hạn chế tồn tại, nguyên nhân và kinh nghiệm. Yêu cầu trong đánh giá sơ kết, tổng kết phải khách quan, toàn diện; lịch sử, cụ thể và thực tiễn tránh biểu hiện chung chung, hình thức nặng về thành tích, coi nhẹ những hạn chế, tồn tại. Mục tiêu chính của khâu này là thông qua đánh giá để khẳng định được thành tích, kết quả, những mô hình hay, cách làm hiệu quả; rút ra được những kinh nghiệm quý của thành công và thất bại để có giải pháp vừa khắc phục những hạn chế vừa phát huy được những thành tích, coi trọng tổng kết thực tiễn để hoàn thiện, phát triển lý luận thúc đẩy sự phát triển toàn diện ở đơn vị.

3. Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Cấp ủy Chi bộ thực chất là tổng thể các biện pháp, cách thức nhằm nâng cao khả năng của cấp ủy chi bộ trong việc thực hiện các khâu, các bước của quy trình lãnh đạo nhằm đạt được kết quả cao trong thực tiễn. Nâng cao trình độ giác ngộ, bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng của cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên trước mọi biến động của tình hình chính trị - xã hội; nâng cao khả năng khắc phục những biểu hiện tiêu cực, sai trái, những hạn chế, khuyết điểm của bản thân cấp ủy, tổ chức đảng của đơn vị; khả năng nhạy bén về chính trị và kiên quyết đấu tranh chống lại những quan điểm, hành động thù địch, ngăn chặn tác động tiêu cực từ bên ngoài của cán bộ, đảng viên...

Người dự thi

Nguyễn Văn Tài